ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1604/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 04 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch xây dựng bể bơi trong các trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 05/2/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo, thực hiện phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho trẻ em, học sinh;

Căn cứ Quyết định số 4285/QĐ-BVHTTDL ngày 08/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1501/TTr-SGDĐT ngày 22/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xây dựng bể bơi trong các trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Nông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH, KGVX (Q).

04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 04.10.2017 16:15:23 +07:00

Tôn Thị Ngọc Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Xây dựng bể bơi trong các trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phấn đấu xây dựng bể bơi cho các trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, các trường tiểu học hạng II trở lên.

- Khai thác hiệu quả các bể bơi được xây dựng để thực hiện giáo dục bơi cho đa số học sinh có thể học bơi sau khi hoàn thành chương trình tiểu học biết bơi, tiến tới mục tiêu phổ cập bơi cho học sinh tiểu học tỉnh Đắk Nông.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020, xây dựng được 20 bể bơi (trong đó gồm 4 bể bơi cố định và 16 bể bơi di động) phục vụ khoảng 40% học sinh toàn tỉnh sau khi hoàn thành chương trình tiểu học biết bơi.

- Phấn đấu đến năm 2025, xây dựng thêm 40 bể bơi (trong đó có 16 bể bơi cố định và 24 bể bơi di động) phục vụ khoảng 70% học sinh toàn tỉnh sau khi hoàn thành chương trình tiểu học biết bơi.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường đầu tư xây dựng bể bơi đạt chuẩn trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh

- Khảo sát thực tế, đánh giá hiện trạng về cơ sở vật chất, nguồn lực phục vụ giáo dục bơi của các trường tiểu học trên địa bàn; trên cơ sở đó đề ra kế hoạch chi tiết để đầu tư.

- Chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền địa phương, các trường học xem xét tạo điều kiện cụ thể về các nguồn lực như đất đai, đội ngũ, tài chính để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; xây dựng kế hoạch thực hiện vận hành bể bơi phục vụ hoạt động giáo dục bơi có hiệu quả.

- Thực hiện đầu tư kinh phí xây dựng công trình bể bơi; xây dựng chương trình tài liệu giáo dục bơi; tập huấn, huấn luyện giáo viên dạy bơi.

- Việc xây dựng bể bơi được thực hiện linh hoạt về cơ chế tài chính, bao gồm: đầu tư hoàn toàn từ ngân sách; đầu tư của các cá nhân, tập thể theo hướng xây dựng - vận hành - chuyển giao.

- Bể bơi xây dựng ở trường tiểu học là loại bể có chức năng dạy bơi cho trẻ em từ 7 đến 10 tuổi theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN 4260:2012).

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm phục vụ giáo dục bơi trong trường tiểu học trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ vào những quy định về giáo dục thể chất nói chung và dạy bơi nói riêng, biên soạn chương trình, tài liệu giáo dục bơi cho học sinh tiểu học tỉnh Đắk Nông.

- Ban hành các quy định về công tác quản lý giáo dục bơi của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường học.

- Tiến hành tập huấn cho giáo viên dạy thể dục về kiến thức và kỹ năng giáo dục bơi cho học sinh.

- Quy định về chế độ, chính sách cho giáo viên dạy bơi.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền về giáo dục bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh

- Tăng cường thực hiện tốt công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận của xã hội, đặc biệt trong cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh học sinh về vai trò, ý nghĩa của giáo dục bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh tiểu học.

- Tổ chức triển khai các hình thức tuyên truyền phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp, khu dân cư về giáo dục bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh.

4. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục bơi cho học sinh

- Nhà trường phối hợp với các tổ chức, cá nhân tuyên truyền vận động gia đình, cộng đồng hướng dẫn trẻ tập bơi trên địa bàn.

- Khuyến khích các hình thức xã hội hóa để thực hiện việc huy động tài trợ và đóng góp để xây dựng bể bơi, các công trình bể bơi và kinh phí duy trì hoạt động hiệu quả của bể bơi trong trường tiểu học.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2017-2020

a) Kinh phí xây dựng bể bơi

Số trường dự kiến xây dựng bể bơi là 20 trường, trong đó có 04 trường xây dựng bể bơi cố định và 16 trường xây dựng bể bơi di động. Tổng kinh phí cần đầu tư xây dựng là: 9,92 tỷ đồng *(Phụ lục 1)*.

b) Kinh phí xây dựng chương trình, tài liệu giáo dục bơi, tập huấn, huấn luyện giáo viên dạy bơi

- Xây dựng chương trình, tài liệu giáo dục bơi: Dự kiến khoảng 40 triệu đồng.

- Tập huấn giáo viên dạy bơi: Dự kiến khoảng 160 triệu đồng.

c) Kinh phí duy trì hoạt động bể bơi trong một năm

- Các chi phí như điện, nước, hóa chất và nhân viên bảo dưỡng: Đối với bể bơi cố định dự kiến khoảng 120 triệu đồng/năm; đối với bể bơi di động dự kiến khoảng 80 triệu đồng/năm.

- Chương trình giáo dục môn thể dục hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Lớp 1: 1 tiết/tuần; Lớp 2,3,4,5: 2 tiết/tuần. Môn bơi là nội dung tự chọn của môn giáo dục thể chất, vì vậy tiết giảng dạy bơi dự kiến xếp vào giờ học không chính khóa, thù lao giáo viên được chi trả hoàn toàn ngoài lương hàng tháng. Với thời tiết Đắk Nông, dự kiến với bể bơi có mái che, thời gian dạy bơi dự kiến 4 giờ/ngày x 7 tháng/năm học. Dự kiến thù lao dạy bơi: 100.000 đồng/giờ x 4 giờ/ngày x 24 ngày/tháng x 7 tháng/nămhọc = 67,2 triệu đồng/năm.

d) Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng công trình bể bơi ban đầu; xây dựng chương trình, tài liệu giáo dục bơi; tập huấn, huấn luyện giáo viên dạy bơi.

- Kinh phí chi trả tiền thuê giáo viên dạy bơi được sử dụng từ định mức chi sự nghiệp giáo dục phân bổ hằng năm của UBND các huyện, thị xã.

- Kinh phí duy trì, vận hành hoạt động của bể bơi (chi phí điện, nước, hóa chất, nhân viên bảo dưỡng hồ bơi phục vụ cho học sinh có nhu cầu học bơi tại trường (nếu có)) sử dụng từ nguồn xã hội hóa và huy động hợp pháp khác.

2. Giai đoạn 2020-2025

Phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có thêm 40 trường được đầu tư xây dựng bể bơi (gồm 16 bể bơi cố định và 24 bể bơi di động) cụ thể mỗi huyện, thị xã phấn đấu xây dựng 5 bể bơi (02 bể bơi cố định và 03 bể bơi di động). Tổng số kinh phí dự kiến cần là 28,88 tỷ đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Thuê đơn vị tư vấn đủ điều kiện năng lực lập mẫu thiết kế xây dựng - dự toán, trình thẩm định, phê duyệt để áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch này; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan trên cơ sở nội dung kế hoạch, thống nhất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện hằng năm.

3. Sở Xây dựng

Có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

Chỉ đạo triển khai kế hoạch tại địa phương; thực hiện việc kiểm tra, giám sát bảo đảm thực hiện hiệu quả kế hoạch; định kỳ báo cáo tình hình triển khai thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch quản lý, vận hành bể bơi bảo đảm hoạt động hiệu quả và tổ chức tuyên truyền cho giáo viên, học sinh nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc bảo quản, sử dụng bể bơi.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần thiết bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tôn Thị Ngọc Hạnh

PHỤ LỤC 1

LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG BỂ BƠI TRONG CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1604/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Huyện, thị xã	Trường tiểu học	Số học sinh	Dự kiến xây dựng và kinh phí thực hiện								Tổng kinh phí
				Loại hồ bơi		Năm						
						2018		2019		2020		
				Cố định	Di động	Cố định	Di động	Cố định	Di động	Cố định	Di động	
1	Tuy Đức	Lê Hồng Phong	573		x		270					270
2	Đắk R'Lấp	Bùi Thị Xuân	733	x		1.400						1.400
3		Lê Đình Chinh	785		x				270			270
4		Phan Đình Phùng	677		x						270	270
5		Đoàn Thị Điểm	496		x		270					270
6	Gia Nghĩa	Thăng Long	719		x				270			270
7		Võ Thị Sáu	831	x				1.400				1.400
8		Nguyễn Thị Minh Khai	1.101	x		1.400						1.400
9		Nguyễn Bá Ngọc	594		x				270			270
10	Cư Jút	Kim Đồng	906		x				270			270
11	Đắk Mil	Nguyễn Văn Bé	983		x						270	270
12		Hoàng Hoa Thám	478		x		270					270
13		Nguyễn Bá Ngọc	728		x		270					270
14		Trần Phú	901		x				270			270
15	Đắk Song	Chu Văn An	941		x		270					270
16		Lê Đình Chinh	840		x						270	270
17	Đắk Glong	Nơ Trang Lơng	929		x		270					270
18	Krông Nô	Lê Lợi	354		x		270					270
19		Lê Thị Hồng Gấm	623	x				1.400				1.400
20		Phan Chu Trinh	684		x				270			270
ng cộng			**14.876**	**4**	**16**	**2.800**	**1.890**	**2.800**	**1.620**	**-**	**810**	**9.920**
Kinh phí theo năm							**4.690**		**4.420**		**810**	**9.920**